

Bản án số: **1027/2019/HNGĐ-PT**

Ngày: 13 - 11 - 2019

V/v chia tài sản chung của vợ
chồng sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Nhung

Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 10 và 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2019/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 700/2019/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 05 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4677/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 9597/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Thu H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: X đường S, Phường U, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Phường T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá A, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: X đường S, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Bá A – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là bà Trịnh Thị Thu H trình bày:

Bà Trịnh Thị Thu H và ông Nguyễn Bá A là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn số 389/2011/QĐHNGĐ-ST ngày 19/12/2011 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng chưa giải quyết về vấn đề tài sản chung.

Bà H khởi kiện yêu cầu chia đôi tất cả tài sản chung trong thời kì hôn nhân giữa bà H và ông Bá A, bao gồm:

1. Nhà đất tại địa chỉ X đường S, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3957/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 09/7/2008 (**sau đây gọi tắt là nhà 85/21/1**).

2. Phần đất có diện tích 1751m² thuộc thửa đất số 449, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp TH, xã VB, huyện VT, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00064 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/7/2009 (**sau đây gọi tắt là thửa đất số 449**).

3. Phần đất có diện tích 318,6m² thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại số P xã PVH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (**sau đây gọi tắt là thửa đất số 14**).

nêu trên.

Ngày 18/6/2018, bà H có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi với yêu cầu đòi chia đôi giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 14 và ngày 29/01/2019, bà H tiếp tục rút yêu cầu khởi kiện về việc chia đôi giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 449.

Bị đơn là Nguyễn Bá Anh trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì:

Nhà 85/21/1 do mẹ ruột của ông là bà Trương Thị Đó sử dụng ổn định từ trước giải phóng. Năm 1985, bà Đó để lại cho ông Bá A làm tài sản riêng. Năm 2001, ông Anh và bà H kết hôn. Đến năm 2006, ông Anh hợp thức hóa và được Ủy ban nhân dân quận B cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3957/2008/GCN ngày 09/7/2008. Do đó, ông Bá A cho rằng căn nhà số 85/21/1 là tài sản riêng của ông, ông không đồng ý với yêu cầu chia đôi giá trị nhà đất của nguyên đơn. Tại buổi hòa giải ngày 05/1/2019, ông Bá A đồng ý chia cho bà H 20% giá trị của nhà đất 85/21/1.

Thửa đất số 449 có nguồn gốc của ông Trần Văn Minh và bà Nguyễn Thị Ngọc Yến. Theo theo Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 21/2009QĐST- DS ngày 30/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, và Quyết định công nhận việc người được thi hành án nhận quyền sử dụng đất đã được kê biên đã được trừ vào tiền thi hành án số 02/QĐ-THA ngày 17/02/2009 của thi hành án dân sự của huyện Thốt Nốt, thành phố

Cần Thơ, ông Bá A được ông Minh và bà Yến giao lại thửa đất số 449 để trừ vào số tiền thi hành án. Số tiền mà ông Bá A thay mặt bạn bè đứng ra ký hợp đồng vay cho ông Minh, bà Yến là 455.000.000 đồng, ông Bá A phải trả lại bạn bè số tiền trên nên việc bà H yêu cầu chia giá trị thửa đất là không có cơ sở.

Thửa đất số 14 mà ông Bá A nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của ông Lao Tô Hà và ông Lưu Thoại Lâm ngày 30/3/2001 trước thời điểm kết hôn với bà H. Thửa đất này là tài sản riêng trước hôn nhân nên ông không đồng ý chia đôi cho bà H.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 700/2019/HNGĐ-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Xác định căn nhà số 85/21/1 đường Phú Mỹ, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Bá A và bà Trịnh Thị Thu H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Thu H, bà H được hưởng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị căn nhà trên tương đương với số tiền 575.691.734 (năm trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi bốn) đồng.

3. Giao cho ông Nguyễn Bá A được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà 85/21/1 đường Phú Mỹ, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Bá A phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị căn nhà tương đương 575.691.734 (năm trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi bốn) đồng cho bà H trong thời hạn 02 tháng, hạn cuối là ngày 10/7/2019. Ngay sau khi, ông Anh đã giao đủ số tiền này cho bà H thì ông Anh được trọn quyền sở hữu căn nhà này.

4. Trường hợp đến thời điểm thi hành án mà ông Bá A không hoàn đủ số tiền trên cho bà H thì giao căn nhà số 85/21/1 đường Phú Mỹ, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi thi hành án.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc chia đôi giá trị thửa đất diện tích đất 1751m², số 449, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp TH, xã VB, huyện VT, thành phố Cần Thơ và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, diện tích đất 318,6m² tọa lạc tại P xã PVH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H được quyền khởi kiện lại yêu cầu khởi kiện này theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/5/2019, ông Nguyễn Bá A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người kháng cáo là ông Nguyễn Bá A trình bày: Ông và bà H thống nhất xác định nhà X đường S, Phường U, quận B là tài sản chung của ông Nguyễn Bá A với bà Trịnh Thị Thu H và đồng ý chia đôi tài sản chung này như sau:

Giao cho bà Trịnh Thị Thu H được nhận nhà và được toàn quyền sở hữu nhà đất tọa lạc tại số X đường S, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi thanh toán cho ông Nguyễn Bá A $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị căn nhà tương đương 575.691.734 (năm trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi bốn) đồng.

Thời hạn thanh toán là 01 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chậm nhất là ngày 31/12/2019. Hai bên cùng lúc thực hiện việc giao nhà và nhận số tiền trên với nhau.

Sau khi bà Trịnh Thị Thu H thanh toán đủ số tiền cho ông Nguyễn Bá A, bà H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy tờ sở hữu đối với căn nhà trên và phải chịu mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp bà Trịnh Thị Thu H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số tiền cho ông Bá A như trên thì ông Nguyễn Bá A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi căn nhà trên để thi hành án. Số tiền thu được từ việc phát mãi sau khi trừ đi các chi phí phải nộp theo quy định pháp luật sẽ được chia cho bà Trịnh Thị Thu H và ông Nguyễn Bá A theo tỉ lệ mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$.

Án phí mỗi bên phải chịu theo quy định pháp luật, đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm hai bên không có ý kiến gì, đề nghị tòa phúc thẩm giữ nguyên.

- Nguyên đơn là bà Trịnh Thị Thu H trình bày: thống nhất thỏa thuận như lời trình bày trên của ông Bá A, đề nghị tòa án công nhận thỏa thuận của hai bên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá A còn trong hạn luật định nên hợp lệ; về nội dung kháng cáo: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay hai bên đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể tài sản chung là nhà 85/21/1 chia đôi, bà Trịnh Thị Thu H nhận nhà, có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá A $\frac{1}{2}$ trị giá nhà là 575.691.734 đồng trong vòng 01 tháng, hạn chót 31/12/2019; sau khi thanh toán xong bà Trịnh Thị Thu H được liên hệ cơ quan chức năng làm thủ tục sở hữu nhà, án phí tính theo quy định pháp luật; thỏa thuận này không trái đạo đức xã hội và quy định pháp luật, đề nghị tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá A làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định, hợp lệ về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy, ông Nguyễn Bá A kháng cáo toàn bộ bản sơ thẩm, không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm trong việc phân chia nhà đất số X đường S, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Bá A và bà Trịnh Thị Thu H đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như trên; thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Bá A, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung bà Trịnh Thị Thu H và ông Nguyễn Bá A phải chịu tương ứng với phần tài sản được chia, theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: do tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự mới thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo vẫn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 218, các Điều 147, Điều 148, Điều 300, Điều 306 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá A về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Bá A. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 700/2019/HNGĐ-ST ngày 10/05/2019 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trịnh Thị Thu H.

1.1. Xác định căn nhà mang số X đường S Phường U quận B Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Bá A với bà Trịnh Thị Thu H.

1.2. Ông Nguyễn Bá A và bà Trịnh Thị Thu Hà thống nhất chia đôi tài sản chung này như sau:

- Giao cho bà Trịnh Thị Thu H được nhận nhà và được toàn quyền sở hữu căn nhà mang số X đường S, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi thanh toán cho ông Nguyễn Bá A $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị căn nhà tương đương 575.691.734 (năm trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi bốn) đồng.

- Thời hạn thanh toán là 01 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chậm nhất là ngày 31/12/2019. Hai bên cùng lúc thực hiện việc giao nhà và nhận số tiền trên với nhau.

- Sau khi bà Trịnh Thị Thu H thanh toán đủ số tiền cho ông Nguyễn Bá A, bà Trịnh Thị Thu H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy tờ sở hữu đối với căn nhà trên và phải chịu mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định pháp luật.

- Trường hợp bà Trịnh Thị Thu H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số tiền cho ông Nguyễn Bá A như trên thì ông Nguyễn Bá A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi căn nhà số X đường S, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án. Số tiền thu được từ việc phát mãi sau khi trừ đi các chi phí phải nộp theo quy định pháp luật sẽ được chia cho bà Trịnh Thị Thu H và ông Nguyễn Bá A theo tỉ lệ mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Thu H về việc yêu cầu chia đôi giá trị thửa đất diện tích đất 1751m², thuộc thửa đất số 449, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp TH, xã VB, huyện VT, thành phố Cần Thơ và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, có diện tích 318,6m² tọa lạc tại P xã PVH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trịnh Thị Thu H được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết lại các yêu cầu khởi kiện này theo quy định tại Khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Bá A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trịnh Thị Thu H chưa thực hiện việc thanh toán tiền cho ông Nguyễn Bá A như trên thì hàng tháng bà Trịnh Thị Thu H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung ông Nguyễn Bá A và bà Trịnh Thị Thu H mỗi người phải nộp là 27.027.669 đồng.

Bà Trịnh Thị Thu H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với hai yêu cầu khởi kiện đã rút tổng cộng là 20.297.500 đồng, bao gồm số tiền 8.297.500 đồng theo biên lai thu tiền số 04027 ngày 15/11/2012 và 12.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 01003 ngày 06/9/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cần trừ khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trên của bà Trịnh Thị Thu H vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà Trịnh Thị Thu H phải nộp theo quy định pháp luật là 27.027.669 đồng, bà Trịnh Thị Thu H còn phải nộp thêm 6.730.169 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng ông Nguyễn Bá A phải chịu, nhưng được cần trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Bá A đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0020982 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Bá A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận B;
- TAND quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương